

CHÍNH PHỦ
Số: 92/2002/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

*Quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Di sản văn hóa.*

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh.

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản văn hóa, bao gồm việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể; việc mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; tổ chức và hoạt động của bảo tàng; trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện Luật Di sản văn hóa; việc khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Điều 2. Di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể.

1. Di sản văn hóa phi vật thể bao gồm:

- Tiếng nói, chữ viết;
- Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học quy định tại Điều 47 của Bộ Luật Dân sự về các loại hình tác phẩm được bảo hộ có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học;
- Ngữ văn truyền miệng bao gồm thần thoại, tục ngữ, ngạn ngữ, thành ngữ, câu đố, ngụ ngôn, ca dao, truyện thơ dân gian, sử thi, trường ca, văn tế, lời khấn và các hình thức ngữ văn truyền miệng khác;

d. Diễn xướng dân gian bao gồm âm nhạc, múa, sân khấu, trò nhại, giả trang, diễn thời trang, diễn người đẹp, hát đối, trò chơi và các hình thức diễn xướng dân gian khác;

đ. Lối sống, nếp sống thể hiện qua khuôn phép ứng xử - đối nhân - xử thế: luật tục, hương ước, chuẩn mực đạo đức, nghi lễ trong ứng xử với tổ tiên, với ông bà, với cha mẹ, với thiên nhiên, ma chay, cưới xin, lễ đặt tên, hành động và lời chào mời và các phong tục, tập quán khác;

e. Lễ hội truyền thống bao gồm lễ hội có nội dung đề cao tinh thần yêu nước, yêu thiên nhiên, lòng tự hào dân tộc, truyền thống chống ngoại xâm, tôn vinh các vị anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, ca ngợi tinh thần cần cù lao động sáng tạo của nhân dân, đề cao lòng nhân ái, khát vọng tự do, hạnh phúc, tinh thần đoàn kết cộng đồng;

g. Nghề thủ công truyền thống;

h. Tri thức văn hóa dân gian bao gồm tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về thiên nhiên và kinh nghiệm sản xuất, về binh pháp, về kinh nghiệm sáng tác văn nghệ (học thuật), về trang phục truyền thống, về đất, nước, thời tiết, khí hậu, tài nguyên, về sông, biển, núi, rừng và các tri thức dân gian khác.

2. Di sản văn hóa vật thể bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (sau đây gọi là di tích), di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

3. Giá trị đặc biệt quý hiếm của bảo vật quốc gia được thể hiện bằng các tiêu chí sau đây:

a. Hiện vật nguyên gốc, độc bản;

b. Hình thức độc đáo;

c. Có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học thể hiện:

Là vật chứng của một sự kiện lớn hoặc gắn bó với cuộc sống, sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân kiệt xuất;

Là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng - nhân văn, giá trị thẩm mỹ và hình thức thể hiện tiêu biểu cho một khuynh hướng, một phong cách, một thời đại;

Là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu có giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định;

d. Được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận sau khi có ý kiến thẩm định của Hội đồng di sản văn hóa quốc gia.

Điều 3. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Nhà nước bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa thông qua các chính sách sau đây:

1. Xây dựng và thực hiện chương trình mục tiêu bảo tồn các di sản văn hóa tiêu biểu;

2.Khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; thực hiện các chính sách ưu đãi về tinh thần và vật chất đối với nghệ nhân, nghệ sĩ nắm giữ và có công phổ biến nghệ thuật truyền thống, bí quyết nghề nghiệp có giá trị đặc biệt.

3.Nghiên cứu áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào các hoạt động sau đây:

a.Thăm dò, khai quật khảo cổ; bảo quản, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích;

b.Thăm định, bảo quản hiện vật và chỉnh lý, đổi mới nội dung trưng bày, hình thức thông tin bảo tàng;

c.Sưu tầm, lưu giữ và phổ biến giá trị di sản văn hóa phi vật thể; thành lập ngân hàng dữ liệu về di sản văn hóa phi vật thể.

4.Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

5.Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đóng góp về tinh thần và vật chất hoặc trực tiếp tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

6.Mở rộng các hình thức hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; xây dựng và thực hiện các dự án hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Những hành vi vi phạm làm sai lệch di sản văn hóa và đào bới trái phép địa điểm khảo cổ.

1.Tuyên truyền, phổ biến, trình diễn sai lệch nội dung và giá trị của di sản văn hóa phi vật thể.

2.Làm thay đổi yếu tố nguyên gốc của di sản văn hóa như đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích hoặc tu bổ, phục hồi không đúng với các yếu tố nguyên gốc của di tích và các hành vi khác khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa - thông tin, tuyên truyền, giới thiệu sai lệch về nội dung và giá trị của di tích.

3.Làm thay đổi môi trường cảnh quan như chặt cây, phá đá, đào bới, xây dựng trái phép và các hành vi khác gây ảnh hưởng xấu đến di sản văn hóa.

4.Những trường hợp sau đây bị coi là đào bới trái phép địa điểm khảo cổ:

a.Tự ý đào bới, tìm kiếm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong khu vực bảo vệ di tích và địa điểm khảo cổ như di chỉ cư trú, mộ táng, công xưởng chế tác công cụ, thành lũy và các địa điểm khảo cổ khác;

b.Tự ý tìm kiếm, trục vớt các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia còn chìm đắm dưới nước.

Chương II

BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 5. Điều tra, phát hiện, thống kê, phân loại và tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể.

1.Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hàng năm từ ngân sách sự nghiệp của địa phương và tổ chức điều tra, phát hiện, thống kê, phân loại và lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chỉ đạo việc tổ chức lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương.

3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin quy định cụ thể việc lập hồ sơ khoa học về các di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 6. Lựa chọn di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của Việt Nam để đề nghị Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc công nhận là di sản văn hóa thế giới.

1. Di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu được lựa chọn theo các tiêu chí sau đây:

a. Có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học;

b. Có phạm vi và mức độ ảnh hưởng mang tính quốc gia và quốc tế về lịch sử, văn hóa, khoa học;

c. Phản ánh nguồn gốc và vai trò của di sản văn hóa phi vật thể đối với cộng đồng trong quá khứ và hiện tại;

d. Thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống độc đáo và là cơ sở cho sự sáng tạo những giá trị văn hóa mới.

2. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu:

a. Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức chỉ đạo việc lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu theo đề nghị bằng văn bản của chủ sở hữu và Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin;

b. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di sản văn hóa gửi hồ sơ đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin để Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia tiến hành thẩm định;

c. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia tiến hành thẩm định và có ý kiến bằng văn bản;

d. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Hồ sơ về di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm:

a. Đơn đề nghị của chủ sở hữu di sản văn hóa phi vật thể và văn bản đồng ý của Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin địa phương nơi có di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu;

b. Các tài liệu về di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu có liên quan theo quy định của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO);

c. Văn bản thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia;

d. Văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin trình Thủ tướng Chính phủ.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn cụ thể việc lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu.

4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm "gửi hồ sơ di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ để đề nghị Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc công nhận là di sản văn hóa thế giới; báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chủ sở hữu di sản văn hóa phi vật thể về quyết định của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của liên hợp quốc đối với di sản văn hóa phi vật thể đó.

Điều 7. Những biện pháp cần thiết để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Nhà nước bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thông qua các biện pháp sau đây:

1. Tổ chức thực hiện các dự án nghiên cứu, sưu tầm, thống kê phân loại các di sản văn hóa phi vật thể trong phạm vi toàn quốc;
2. Tiến hành sưu tầm, thống kê, phân loại thường xuyên và định kỳ về di sản văn hóa phi vật thể;
3. Tăng cường việc truyền dạy, phổ biến, xuất bản, trình diễn và phục dựng các loại hình di sản văn hóa phi vật thể;
4. Đầu tư và hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; ngăn chặn nguy cơ làm mai một, thất truyền di sản văn hóa phi vật thể;
5. Mở rộng các hình thức xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;
6. Thực hiện việc thẩm định miễn phí, hướng dẫn nghiệp vụ và hỗ trợ lưu giữ, bảo quản di sản văn hóa phi vật thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu di sản văn hóa phi vật thể đó.

Điều 8. Bảo vệ và phát triển di sản văn hóa phi vật thể dưới hình thức tiếng nói, chữ viết của các dân tộc ở Việt Nam.

Nhà nước bảo vệ và phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc Việt Nam thông qua các biện pháp sau đây:

1. Tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, lưu giữ tiếng nói, chữ viết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam;
2. Có chính sách hỗ trợ việc phổ biến, giảng dạy để duy trì và phát triển tiếng nói, chữ viết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam;
3. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu, thông tin tuyên truyền, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các hoạt động khác để giữ gìn và phát triển sự trong sáng của tiếng Việt.